



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hải Long	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2021
Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2021
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/07/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Nha Trang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

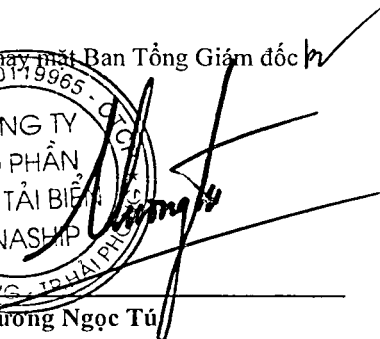
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

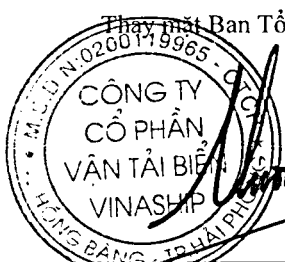
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Đương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Số: 090322.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 15 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 31,65 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 41,25 tỷ đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		341.929.970.881	118.308.939.795
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	174.711.618.987	19.587.028.863
111	1. Tiền		154.711.618.987	19.587.028.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	40.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		40.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.838.677.704	50.316.185.803
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.370.437.740	41.438.208.088
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.180.489.885	2.945.077.957
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.979.337.857	16.602.684.966
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.691.587.778)	(10.669.785.208)
140	IV. Hàng tồn kho	9	43.318.914.139	36.069.394.090
141	1. Hàng tồn kho		43.318.914.139	36.069.394.090
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		31.060.760.051	12.336.331.039
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.569.764.889	1.302.057.768
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.827.630.352	2.660.128.354
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	5.663.364.810	8.374.144.917
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		364.405.019.210	419.771.688.238
220	II. Tài sản cố định		305.988.469.044	382.397.067.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	305.599.380.150	382.234.317.416
222	- Nguyên giá		1.389.694.814.964	1.380.591.718.478
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.084.095.434.814)	(998.357.401.062)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	389.088.894	162.750.000
228	- Nguyên giá		664.654.500	427.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(275.565.606)	(264.904.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	5.424.942.921	6.298.854.633
231	- Nguyên giá		24.550.647.769	24.550.647.769
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.125.704.848)	(18.251.793.136)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.030.015.564	819.936.291
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.030.015.564	819.936.291
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.121.679.205	9.336.924.005
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.000.000.000	5.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		537.428.525	5.998.468.525
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(415.749.320)	(1.661.544.520)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		46.839.912.476	20.918.905.893
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	46.839.912.476	20.918.905.893
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		706.334.990.091	538.080.628.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		464.654.254.284	473.711.233.393
310	I. Nợ ngắn hạn		373.582.935.450	267.929.099.291
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	24.368.389.261	31.931.682.842
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		111.355.200	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	61.487.640	39.736.823
314	4. Phải trả người lao động		30.696.658.922	10.298.366.582
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	912.500.990	819.484.408
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	31.072.272.120	194.338.523
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	154.559.321.386	47.121.385.826
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	130.767.814.831	175.849.069.187
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.033.135.100	1.675.035.100
330	II. Nợ dài hạn		91.071.318.834	205.782.134.102
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	9.874.262.994	46.518.236.602
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	81.197.055.840	159.263.897.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		241.680.735.807	64.369.394.640
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	241.680.735.807	64.369.394.640
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(41.251.986.047)	(218.563.327.214)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(218.563.327.214)	(219.860.726.730)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		177.311.341.167	1.297.399.516
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		706.334.990.091	538.080.628.033

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng




Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	804.603.456.700	505.668.929.152
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		804.603.456.700	505.668.929.152
11	4. Giá vốn hàng bán	24	587.205.075.415	511.548.287.947
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		217.398.381.285	(5.879.358.795)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	15.643.456.569	1.708.039.228
22	7. Chi phí tài chính	26	22.829.685.559	22.963.348.156
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		20.851.215.090	22.161.613.839
25	8. Chi phí bán hàng	27	22.335.950.007	7.310.796.826
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	31.318.495.111	18.916.801.714
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		156.557.707.177	(53.362.266.263)
31	11. Thu nhập khác	29	24.769.179.974	55.311.607.354
32	12. Chi phí khác	30	1.007.867.892	651.941.575
40	13. Lợi nhuận khác		23.761.312.082	54.659.665.779
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		180.319.019.259	1.297.399.516
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.007.678.092	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>177.311.341.167</u>	<u>1.297.399.516</u>


Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		180.319.019.259	1.297.399.516
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		86.742.606.570	85.517.739.623
03	- Các khoản dự phòng		(1.223.992.630)	343.216.130
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.806.768.752)	(1.372.466.774)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.993.119.568)	(26.278.543.795)
06	- Chi phí lãi vay		20.851.215.090	22.161.613.839
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(24.767.043.813)	(28.924.269.056)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		248.121.916.156	52.744.689.483
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(24.230.124.941)	(1.634.608.989)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(7.249.520.049)	(1.535.410.856)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		42.567.990.475	(30.922.227.522)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(27.188.713.704)	1.411.453.238
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.959.741.449)	(8.170.657.124)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(641.900.000)	(576.612.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		223.419.906.488	11.316.626.230
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.317.431.932)	(4.101.467.618)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	26.241.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(80.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		40.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(456.228.000)	(4.207.068.905)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.710.310.728	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		605.994.647	37.361.977
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.457.354.557)	17.970.007.272
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.190.000.000	3.420.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(40.290.000.000)	(29.377.024.829)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(113.730.000)	(1.721.233.412)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.213.730.000)	(27.678.258.241)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		155.748.821.931	1.608.375.261
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.587.028.863	18.012.704.619
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(624.231.807)	(34.051.017)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>174.711.618.987</u>	<u>19.587.028.863</u>



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 373 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 369 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2021, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hải Phòng tại Lô TM8, Khu đô thị Hồ Sen - Cầu Rào 2, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Đây là lô đất được cấp cho thuê mới từ việc phải trả lại trụ sở đặt tại số 1 Hoàng Văn Thụ để UBND Thành phố Hải Phòng xây dựng dự án Cầu Hoàng Văn Thụ. Hiện tại, Công ty vẫn sử dụng trụ sở văn phòng tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ do chưa có quyết định di dời của UBND Thành phố Hải Phòng.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020, Ban Tổng Giám đốc đã và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn theo hướng giãn nợ, hoãn nợ, miễn giảm lãi vay và mua bán nợ. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này. Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) khoản nợ về tái cơ cấu khoản vay với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) và đang tiếp tục đàm phán với DATC để tái cơ cấu khoản vay đối với Ngân hàng TNHH Indovina (IVB).

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty vẫn đang lỗ lũy kế là 41,25 tỷ đồng (tại 01/01/2021 là 218,56 tỷ đồng), nợ ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 31,65 tỷ đồng (tại 01/01/2021 là 149,62 tỷ đồng). Những sự kiện này cho thấy có yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2021, do những diễn biến rất thuận lợi của hoạt động vận tải biển trong nước và quốc tế, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Điều này làm cho các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn và kết quả kinh doanh trong năm 2021 của Công ty tăng rất mạnh so với năm trước, chi tiết tại các Thuyết minh số 23 và 24. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
- Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
- Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Thông tin về công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được hạch toán chung tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng	06 - 25	năm
---	---------	-----

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu vận tải biển

Doanh thu vận tải biển được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành, Công ty sử dụng tiêu thức thời gian để xác định phần công việc hoàn thành. Theo đó đối với mỗi chuyến hàng ngay tại thời điểm bắt đầu Công ty đã ước tính tổng thời gian vận hành tàu (bao gồm cả thời gian bốc xếp và thời gian chạy trên biển). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty xác định được thời gian tàu đã chạy từ khi bắt đầu chuyến hàng đến ngày kết thúc năm tài chính và tiến hành ghi nhận doanh thu chuyến hàng tương ứng với thời gian tàu đã chạy trên tổng thời gian vận chuyển ước tính của chuyến hàng.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	529.296.000	877.587.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	154.182.322.987	18.709.441.863
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	<u>174.711.618.987</u>	<u>19.587.028.863</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 20.000.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	-	-	-
	<u>40.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 40.000.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5,1%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	5.000.000.000		-	5.000.000.000		-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (*)	5.000.000.000		-	5.000.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác (**)	537.428.525	121.978.800	(415.749.320)	5.998.468.525	9.863.551.900	(1.661.544.520)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - VOS ⁽¹⁾	-	-	-	1.276.000.000	138.000.000	(1.138.000.000)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	121.269.600	(415.749.320)	537.018.920	13.474.400	(523.544.520)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	409.605	709.200	-	409.605	881.100	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - MSB ⁽²⁾	-	-	-	4.185.040.000	9.711.196.400	-
	5.537.428.525	121.978.800	(415.749.320)	10.998.468.525	9.863.551.900	(1.661.544.520)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021.

(1) Trong năm 2021, Công ty đã bán hết toàn bộ 60.000 cổ phiếu VOS và ghi nhận khoản lãi 230.005.000 đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Doanh thu hoạt động tài chính).

(2) Trong năm 2021, Công ty đã mua thêm 39.672 cổ phiếu MSB thông qua thực hiện quyền mua, đồng thời bán hết toàn bộ 556.232 cổ phiếu MSB và ghi nhận khoản lãi 9.563.037.728 đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Doanh thu hoạt động tài chính). Công ty nhận được 07 cổ phiếu thưởng MSB, được chốt quyền vào ngày 08/10/2021, thực nhận vào ngày 08/12/2021 và đã bán toàn bộ cổ phiếu thưởng này trong năm 2021.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoàn Sơn	10.635.289.073	-	16.635.289.073	-
HC TRADING MALTA LIMITED	4.617.184.802	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	7.117.963.865	(3.349.100.204)	24.802.919.015	(3.327.297.634)
	22.370.437.740	(3.349.100.204)	41.438.208.088	(3.327.297.634)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Lê Phạm	559.673.300	-	-	-
Công ty TNHH VFQN Agency	282.618.747	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư miền Duyên Hải	237.500.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	100.697.838	-	2.945.077.957	-
	1.180.489.885	-	2.945.077.957	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	594.082.193	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	188.299.034	-	240.514.755	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	29.615.504	-	34.809.950	-
- Tạm ứng	3.718.115.529	-	3.555.507.911	-
- Ký cược, ký quỹ	21.369.000.000	-	2.000.000	-
- Phải thu Vinashinlines tiền chi hộ sửa chữa tàu	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Lê Chân	2.983.955.413	-	2.983.955.413	-
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	3.399.486.506	-	1.920.315.181	-
- Phải thu khác	354.296.104	-	523.094.182	-
	39.979.337.857	(7.342.487.574)	16.602.684.966	(7.342.487.574)

(*) Trong đó bao gồm 20.000.000.000 đồng tiền Công ty đặt cọc cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để DATC thực hiện mua lại khoản nợ của Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (IVB Mỹ Đình), chi tiết tại Thuyết minh 19 - Phải trả khác và Thuyết minh 20 - Vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	636.440.000	-
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	1.104.934.000	-
- Các khoản khác	1.645.454.654	37.728.450	1.639.437.154	53.513.520
	10.729.316.228	37.728.450	10.723.298.728	53.513.520

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	43.318.914.139	-	36.069.394.090	-
	43.318.914.139	-	36.069.394.090	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	938.058.364	727.979.091
	1.030.015.564	819.936.291

(*) Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, Khu đô thị Hồ Sen - Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 80 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 01 năm 2023;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2021: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hải Phòng và đang làm các thủ tục xin cấp phép xây dựng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.330.856.188	130.752.694	1.373.812.718.983	317.390.613	1.380.591.718.478
- Mua trong năm	-	-	9.103.096.486	-	9.103.096.486
Số dư cuối năm	6.330.856.188	130.752.694	1.382.915.815.469	317.390.613	1.389.694.814.964
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.813.059.339	119.900.167	993.137.392.760	287.048.796	998.357.401.062
- Khấu hao trong năm	168.558.336	4.285.716	85.557.062.424	8.127.276	85.738.033.752
Số dư cuối năm	4.981.617.675	124.185.883	1.078.694.455.184	295.176.072	1.084.095.434.814
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.517.796.849	10.852.527	380.675.326.223	30.341.817	382.234.317.416
Tại ngày cuối năm	1.349.238.513	6.566.811	304.221.360.285	22.214.541	305.599.380.150

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 294.245.679.786 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.172.985.433 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	427.654.500
- Mua trong năm	357.000.000
- Giảm khác	<u>(120.000.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>664.654.500</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	264.904.500
- Khấu hao trong năm	130.661.106
- Giảm khác	<u>(120.000.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>275.565.606</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>162.750.000</u>
Tại ngày cuối năm	<u>389.088.894</u>

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Nhà VND</u>	<u>Cơ sở hạ tầng VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	<u>3.478.148.137</u>	<u>21.072.499.632</u>	<u>24.550.647.769</u>
Số dư cuối năm	<u>3.478.148.137</u>	<u>21.072.499.632</u>	<u>24.550.647.769</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.988.211.829	15.263.581.307	18.251.793.136
- Khấu hao trong năm	81.786.480	792.125.232	873.911.712
Số dư cuối năm	<u>3.069.998.309</u>	<u>16.055.706.539</u>	<u>19.125.704.848</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>489.936.308</u>	<u>5.808.918.325</u>	<u>6.298.854.633</u>
Tại ngày cuối năm	<u>408.149.828</u>	<u>5.016.793.093</u>	<u>5.424.942.921</u>

Trong đó:

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê: 6.259.455.501 đồng.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 3.896.712.353 đồng.
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 22.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2021 VND</u>	<u>01/01/2021 VND</u>
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.544.186.967	1.302.057.768
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.577.922	-
	<u>2.569.764.889</u>	<u>1.302.057.768</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	46.821.579.143	20.873.072.560
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.333.333	45.833.333
	<u>46.839.912.476</u>	<u>20.918.905.893</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	3.107.559.450	3.107.559.450	-	-
- Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	5.577.825.000	5.577.825.000	3.015.430.000	3.015.430.000
- SYNERGY ASIA BUNKERING PTE LTD	2.452.623.816	2.452.623.816	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	13.230.380.995	13.230.380.995	28.916.252.842	28.916.252.842
	24.368.389.261	24.368.389.261	31.931.682.842	31.931.682.842

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	585.395.288	585.395.288	-	-
Thuế Nhập khẩu	-	-	192.435.333	192.435.333	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	3.007.678.092	-	5.366.466.825	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	39.736.823	724.882.246	703.131.429	-	61.487.640
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	745.998.117	1.042.896.102	296.897.985	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.616.784	2.616.784	-	-
	8.374.144.917	39.736.823	5.264.005.860	2.531.474.936	5.663.364.810	61.487.640

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	136.990.990	217.453.269
- Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	-	588.394.775
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	775.510.000	13.636.364
	912.500.990	819.484.408

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	31.057.933.597	-
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	14.338.523	194.338.523
	<u>31.072.272.120</u>	<u>194.338.523</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	33.288.974	804.185.845
- Bảo hiểm y tế	48.191.321	60.468.928
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	-
- Cổ tức phải trả	7.690.341.588	7.804.071.588
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	-	4.166.882.686
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng (*)	37.863.792.536	31.742.612.202
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.673.159.607	1.755.839.445
- Phải trả thuế TNCN tạm thu	40.638.313	40.638.313
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý (**)	106.389.790.051	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	788.118.996	746.686.819
	<u>154.559.321.386</u>	<u>47.121.385.826</u>
b) Dài hạn		
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng (*)	9.874.262.994	21.751.192.789
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	-	24.767.043.813
	<u>9.874.262.994</u>	<u>46.518.236.602</u>

(*) Lãi vay phải trả theo các hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (IVB Mỹ Đình).

(**) Bao gồm khoản nợ gốc 84.309.645.640 đồng và lãi vay 22.080.144.411 đồng đối với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (IVB Mỹ Đình) đang chờ xử lý. Ngày 10/12/2021, IVB Mỹ Đình đã gửi công văn cho Công ty về việc Ngân hàng này đã hoàn thành việc bán khoản nợ này cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Ngày 04/01/2022, IVB Mỹ Đình đã thông báo cho Công ty về việc thực hiện chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của IVB Mỹ Đình được quy định tại các Hợp đồng tài trợ, Hợp đồng cho vay hợp vốn, Hợp đồng thế chấp và các phụ lục đính kèm sang DATC. Kể từ ngày 04/01/2022, DATC sẽ kế thừa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ mới được chuyển giao từ IVB Mỹ Đình đối với Công ty.

Theo Biên bản làm việc về tiến độ thanh toán và xử lý nợ, tài sản bảo đảm với khoản nợ DATC mua của IVB Mỹ Đình, Công ty cần phải thanh toán cho DATC khoản tiền bao gồm giá DATC mua nợ (42.895.030.420 đồng), phí quản lý 5% tính trên giá DATC mua nợ (2.144.751.521 đồng) và lãi suất chậm trả. Số tiền này sẽ được Công ty thanh toán cho DATC định kỳ hàng tháng trong vòng 18 tháng kể từ thời điểm DATC nhận chuyển giao quyền chủ nợ từ IVB Mỹ Đình. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với DATC, phần chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay với giá vốn DATC mua nợ, phí quản lý sẽ được Công ty ghi nhận vào Thu nhập khác.

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Phải trả lãi vay	20.533.247.554	18.175.283.805
	<u>20.533.247.554</u>	<u>18.175.283.805</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	35.000.000.000	35.000.000.000	4.190.000.000	11.190.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
- Vay cá nhân (***)	35.000.000.000	35.000.000.000	4.190.000.000	11.190.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	140.849.069.187		34.656.278.250	72.737.532.606	102.767.814.831	
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	46.805.000.000		13.392.000.000	29.100.000.000	31.097.000.000	
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (**)	94.044.069.187		21.264.278.250	43.637.532.606	71.670.814.831	
	175.849.069.187	35.000.000.000	38.846.278.250	83.927.532.606	130.767.814.831	28.000.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	85.910.450.000		-	29.100.000.000	56.810.450.000	
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (**)	214.202.516.687		-	87.048.096.016	127.154.420.671	
	300.112.966.687		-	116.148.096.016	183.964.870.671	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(140.849.069.187)		(34.656.278.250)	(72.737.532.606)	(102.767.814.831)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	159.263.897.500				81.197.055.840	

(*) Hiện nay, các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty đang được tái cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này.

(**) Tiền vay giảm trong năm bao gồm giảm 84.309.645.640 đồng chuyển sang nợ vay chờ xử lý liên quan đến khoản nợ với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (IVB Mỹ Đình - bên hợp vốn với Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng để cho Công ty vay theo Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011) đã được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam mua lại, chi tiết tại Thuyết minh 19 - Phải trả khác và giảm 2.738.450.376 do đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với số dư khoản vay gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2021.

c) (***) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay cá nhân: bao gồm các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021			Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới			Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương		
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng				56.810.450.000			31.097.000.000		
1.1	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTD ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	17.705.000.000		17.705.000.000	17.705.000.000		17.705.000.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Mỹ Hung
1.2	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HĐTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	39.105.450.000		39.105.450.000	13.392.000.000		13.392.000.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 12.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Vinaship Gold

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021			Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới			Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương		
2	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng				127.154.420.671			71.670.814.831		
2.1	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMD-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên 07/03/2011		5.581.844,63	127.154.420.671		3.146.216,63	71.670.814.831	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT	Tàu Vinaship Star và tàu Mỹ Thịnh
	Tổng cộng				183.964.870.671			102.767.814.831		

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

e) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	55.817.985.031	20.533.247.554	67.341.679.187	18.175.283.805
	55.817.985.031	20.533.247.554	67.341.679.187	18.175.283.805

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Lãi trong năm trước	-	-	1.297.399.516	1.297.399.516
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
Lãi trong năm nay	-	-	177.311.341.167	177.311.341.167
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(41.251.986.047)	241.680.735.807

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	7.804.071.588	9.525.305.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(113.730.000)	(1.721.233.412)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(113.730.000)	(1.721.233.412)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	7.690.341.588	7.804.071.588

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	<u><u>82.932.721.854</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.744.727.276	4.063.246.495
- Trên 1 năm đến 5 năm	3.887.454.548	6.632.181.805
	<u><u>6.632.181.824</u></u>	<u><u>10.695.428.300</u></u>

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m². Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

c) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.530.523,26	635.852,58

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	9.984.901.693
Doanh thu hoạt động vận tải biển	792.527.534.690	408.842.974.814
Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	7.792.266.424	82.679.573.510
Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	4.283.655.586	4.161.479.135
	<u><u>804.603.456.700</u></u>	<u><u>505.668.929.152</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	8.506.488.894
Giá vốn hoạt động vận tải biển	577.605.026.904	419.223.312.892
Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	7.734.184.528	80.975.773.657
Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	1.865.863.983	2.842.712.504
	<u>587.205.075.415</u>	<u>511.548.287.947</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.200.076.840	37.354.777
Lãi bán các khoản đầu tư	9.793.042.728	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.843.568.249	298.210.477
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.806.768.752	1.372.466.774
	<u>15.643.456.569</u>	<u>1.708.039.228</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.851.215.090	22.161.613.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.200.268.333	830.171.286
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(1.245.795.200)	(28.894.200)
Chi phí tài chính khác	23.997.336	457.231
	<u>22.829.685.559</u>	<u>22.963.348.156</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	22.335.950.007	7.310.796.826
	<u>22.335.950.007</u>	<u>7.310.796.826</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.355.520.006	1.049.580.709
Chi phí nhân công	24.860.656.227	13.320.190.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	706.006.494	489.688.410
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	21.802.570	372.110.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.971.093.438	1.538.352.251
Chi phí khác bằng tiền	2.398.416.376	2.141.879.552
	<u>31.318.495.111</u>	<u>18.916.801.714</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	26.241.181.818
Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay của các ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC (*)	24.767.043.813	28.924.269.056
Thu nhập khác	2.136.161	146.156.480
	24.769.179.974	55.311.607.354

(*) Khoản thu nhập được ghi nhận từ số nợ gốc và lãi vay chờ xử lý còn lại của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) trong năm (chi tiết tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác).

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền ủng hộ quỹ vaccin phòng dịch COVID 19	1.000.000.000	-
Các khoản bị phạt	2.616.784	25.076.721
Chi phí hao hụt hàng trong quá trình vận chuyển	-	626.864.000
Chi phí khác	5.251.108	854
	1.007.867.892	651.941.575

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	180.319.019.259	1.297.399.516
Các khoản điều chỉnh tăng	716.943.048	5.951.610.574
- Chi phí không hợp lệ	92.616.784	5.913.416.056
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	624.326.264	38.194.518
Các khoản điều chỉnh giảm	(165.997.571.849)	(7.249.010.090)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(7.200)
- Chuyển lỗ các năm trước	(160.157.232.514)	(7.249.002.890)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP chuyển từ các năm trước sang	(5.840.339.335)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.038.390.458	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.007.678.092	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(5.366.466.825)	(8.374.144.917)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	255.031.834.160	151.705.418.224
Chi phí nhân công	98.895.850.126	82.144.168.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.742.606.570	85.517.739.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.574.526.941	201.994.763.722
Chi phí khác bằng tiền	7.592.900.166	6.878.798.978
	<u>640.837.717.963</u>	<u>528.240.888.889</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.711.618.987	-	19.587.028.863	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.349.775.597	(10.691.587.778)	58.040.893.054	(10.669.785.208)
Các khoản cho vay	40.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	537.428.525	(415.749.320)	5.998.468.525	(1.661.544.520)
	<u>277.598.823.109</u>	<u>(11.107.337.098)</u>	<u>83.626.390.442</u>	<u>(12.331.329.728)</u>
Giá trị sổ kế toán				
	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			211.964.870.671	335.112.966.687
Phải trả người bán, phải trả khác			188.801.973.641	125.571.305.270
Chi phí phải trả			912.500.990	819.484.408
			<u>401.679.345.302</u>	<u>461.503.756.365</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư dài hạn	-	121.679.205	-	121.679.205
	<u>-</u>	<u>121.679.205</u>	<u>-</u>	<u>121.679.205</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	4.336.924.005	-	4.336.924.005
	<u>-</u>	<u>4.336.924.005</u>	<u>-</u>	<u>4.336.924.005</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.711.618.987	-	-	174.711.618.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.658.187.819	-	-	51.658.187.819
Các khoản cho vay	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
	266.369.806.806	-	-	266.369.806.806
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.587.028.863	-	-	19.587.028.863
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.371.107.846	-	-	47.371.107.846
	66.958.136.709	-	-	66.958.136.709

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	130.767.814.831	81.197.055.840	-	211.964.870.671
Phải trả người bán, phải trả khác	178.927.710.647	9.874.262.994	-	188.801.973.641
Chi phí phải trả	912.500.990	-	-	912.500.990
	310.608.026.468	91.071.318.834	-	401.679.345.302
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	175.849.069.187	145.915.010.000	13.348.887.500	335.112.966.687
Phải trả người bán, phải trả khác	79.053.068.668	45.238.754.674	1.279.481.928	125.571.305.270
Chi phí phải trả	819.484.408	-	-	819.484.408
	255.721.622.263	191.153.764.674	14.628.369.428	461.503.756.365

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các sự kiện đã được công bố tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2022

